

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2021/DS-ST
Ngày: 13-5-2021
V/v: “*Tranh chấp
hợp đồng tín dụng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Loan.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Minh Tân.

2. Bà Nguyễn Thị Bình.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lưu Quốc Trọng, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Ông Võ Hồng Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 33/2016/TLST-DS ngày 09 tháng 6 năm 2016 về “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 98/2021/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng T.

Địa chỉ trụ sở: Số 198 đường Trần Quang K, phường L, Quận H, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nghiêm Xuân T, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng T, là người đại diện theo pháp luật; ông Võ Văn L, chức vụ: Giám đốc Ngân hàng t, chi nhánh Quảng Ngãi, là người đại diện theo ủy quyền, theo giấy ủy quyền số 325/UQ-VCB-PC ngày 01-11-2019 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng T; ông Nguyễn Quốc D, chức vụ: Trưởng phòng Phòng giao dịch B - Ngân hàng T, là người được ủy quyền lại, theo văn bản ủy quyền số 0197/UQ-NHNT.QNg ngày 01-11-2019, ông D có mặt.

Địa chỉ chi nhánh: Số 345 đường Hùng V, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

2. Bị đơn: Bà Tiêu Thị N, sinh năm 1969; địa chỉ: Tổ 9 (tổ 23 cũ), phường Quảng P, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Phạm Tấn T, sinh năm 1947; vắng mặt
- Bà Nguyễn Thị H; vắng mặt.
- Bà Đỗ Thị L; vắng mặt.
- Anh Phạm Văn L; vắng mặt.
- Chị Phạm Thị M; vắng mặt.
- Ông Phạm Tấn V, bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1944; đều vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn Mỹ Thạnh Đ, xã Nghĩa T, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 23-5-2016 và trong quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn Ngân hàng t (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) trình bày:*

Theo đề nghị của bà Tiêu Thị N, ngày 21-01-2015, giữa Ngân hàng và bà Tiêu Thị N có ký Hợp đồng tín dụng bán lẻ số: 588/15/KHTN.QNg, bà Nhất vay số tiền gốc 200.000.000 (hai trăm triệu) đồng; với mục đích kinh doanh sỉ cài kẹp, mỹ ký; thời hạn vay 12 tháng; thời hạn rút vốn 01 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực; lãi suất cho vay theo thông báo của chương trình ưu đãi tại từng thời điểm nhận nợ và cố định trong 06 tháng đầu tiên, trong 06 tháng tiếp theo áp dụng lãi suất cho vay ngắn hạn cá nhân sản xuất kinh doanh thông thường và điều chỉnh 03 tháng 01 lần theo thông báo của Ngân hàng trong từng thời kỳ, bên cho vay được quyền thay đổi lãi suất theo lãi suất công bố của bên cho vay khi đến kỳ hạn thay đổi mà không phải thông báo bằng văn bản bên cho vay; nợ gốc trả cuối kỳ; lãi vay trả hàng tháng.

Ngày 23/01/2015, bà Tiêu Thị N đã nhận nợ theo Giấy nhận nợ số 195/GNN-KHTN.QNg, số tài khoản vay 277000617502, số tiền nhận nợ là 200.000.000 đồng; lãi suất cho vay hiện tại 7,5%/năm, lãi suất quá hạn: 150% lãi suất vay trong hạn.

Tài sản bảo đảm cho khoản vay: Theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 62/BĐ- KHTN.QNg ngày 21/01/2015, gồm:

Tài sản 1: Quyền sử dụng đất thửa đất 1018, diện tích 458m² ở tờ bản đồ số 12 (viết tắt là thửa đất 1018), trong đó đất ở tại nông thôn 200m², đất trồng cây hàng năm khác 258m² tại thôn Mỹ Thạnh Đ, xã Nghĩa T, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi, được Ủy ban nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 15-12-2008 và năm 2014 chỉnh lý trang 4 sang tên bà Tiêu Thị N.

Tài sản 2: Quyền sử dụng đất thửa đất số 991, diện tích 74m² ở tờ bản đồ số 12 (viết tắt là thửa đất 991) tại thôn Mỹ Thạnh Đ, xã Nghĩa T, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi, được Ủy ban nhân dân huyện Tư Nghĩa cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 776935 ngày 29/06/2007 và năm 2014 chỉnh lý trang 4 sang tên bà Tiêu Thị N.

Từ ngày 26/06/2015, bà Tiêu Thị N không thực hiện trả nợ vay đúng hạn cho Ngân hàng, nên căn cứ vào mục 7.1.7 Điều 7 của Hợp đồng tín dụng bán lẻ số 588/15/ KHTN.QNg ngày 21/01/2015, Ngân hàng đã chuyển toàn bộ số nợ vay còn lại sang nợ quá hạn. Quá trình vay vốn và thu hồi nợ vay, Ngân hàng thường xuyên kiểm tra đôn đốc khách hàng trả nợ và có thông báo xử lý tài sản

bảo đảm để thu hồi nợ nhưng bà N không trả nợ. Ngân hàng không đồng ý với các phương án thỏa thuận do bà Tiêu Thị N đề nghị tại phiên hòa giải.

Buộc bà Tiêu Thị N phải trả nợ cho Ngân hàng tính đến ngày 12-5-2021, tổng số tiền là 349.908.333 đồng, trong đó nợ gốc 200.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn 103.844.444 đồng, nợ lãi quá hạn: 46.063.889 đồng.

Kể từ ngày 13-5-2021, yêu cầu bị đơn còn phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh trên dư nợ gốc cho đến khi trả xong các khoản nợ cho Ngân hàng theo mức lãi suất nợ quá hạn được các bên thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng.

Trường hợp bà Tiêu Thị N không trả được số tiền nợ nêu trên thì Ngân hàng yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất các thửa đất số 1018, 991, thuộc tờ bản đồ số 12, xã Nghĩa T, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 62/BĐ- KHTN.QNg ngày 21/01/2015 để thu hồi nợ.

Sau khi xử lý tài sản thế chấp mà không đủ thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì bị đơn phải có trách nhiệm tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ. Nếu còn thừa thì nguyên đơn sẽ trả lại cho bên bị đơn, nếu không có thỏa thuận khác.

Tại đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện ngày 25-01-2021 và tại phiên tòa, Ngân hàng xin rút một phần yêu cầu khởi kiện:

Ngân hàng rút và không yêu cầu Tòa án xử lý đối với tài sản thế chấp bảo đảm cho khoản vay theo Hợp đồng thế chấp số 62/BĐ-KHTN.QNg ngày 21-01-2015 đã được Văn phòng công chứng số 1, tỉnh Quảng Ngãi công chứng; gồm quyền sử dụng đất của thửa đất số 1018, tờ bản đồ số 16, diện tích 458m² và quyền sử dụng đất của thửa đất số 991, tờ bản đồ số 12, diện tích 74m² đều tọa lạc tại xã Nghĩa Thuận, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi.

Ngân hàng yêu cầu Tòa án tiếp tục giải quyết: Buộc bà Tiêu Thị N phải có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng tính đến ngày 12-5-2021 tổng số tiền là 349.908.333 đồng, trong đó nợ gốc 200.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn 103.844.444 đồng, nợ lãi quá hạn 46.063.889 đồng.

Kể từ ngày 13-5-2021, yêu cầu bị đơn còn phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh trên dư nợ gốc cho đến khi trả xong các khoản nợ cho Ngân hàng theo mức lãi suất nợ quá hạn được các bên thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng.

** Bị đơn bà Tiêu Thị N trình bày:*

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Tiêu Thị N thừa nhận có vay tiền của Ngân hàng theo hợp đồng tín dụng bán lẻ số 588/15/KHTN.QNG, có thế chấp tài sản gồm quyền sử dụng đất thửa đất 1018, diện tích 458m², tờ bản đồ số 12 và thửa đất số 991, diện tích 74m² ở tờ bản đồ số 12, xã Nghĩa T, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi, theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 62/BĐ- KHTN.QNg ngày 21/01/2015 như nguyên đơn trình bày. Sau khi vay, do làm ăn không có hiệu quả nên bà trả nợ không đúng thời hạn theo hợp đồng tín dụng đã ký kết với Ngân hàng. Tại phiên hòa giải ngày 09-6-2017, bà Tiêu Thị N công nhận còn nợ như Ngân hàng tạm tính đến ngày 08-6-2017 tổng số tiền 248.333.334 đồng; trong đó nợ gốc 200.000.000 đồng, nợ lãi 48.333.334 đồng. Bà N đồng ý trả nợ gốc, xin Ngân hàng cho bà tiền lãi vì hiện nay khó khăn. Từ đầu năm 2018, bà sẽ trả nợ mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi trả xong nợ.

** Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Phạm Tấn T trình bày: Trên thửa đất số 1018, ông T đã xây dựng nhà ở, hiện nay ông đang quản lý, thửa đất 1018 là của ông T, ông không đồng ý với ý kiến của nguyên đơn xử lý tài sản thế chấp thửa đất số 1018.*

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Phạm Tấn V, bà Nguyễn Thị D, bà Nguyễn Thị H, bà Đỗ Thị L, anh Phạm Văn L, chị Phạm Thị M không có văn bản trình bày ý kiến.*

** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi:*

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đúng theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự; đối với bị đơn không chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không chấp hành đúng quy định tại Điều 73 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng t. Buộc bà Tiêu Thị N phải trả cho Ngân hàng t tổng số tiền gốc, lãi như nguyên đơn yêu cầu.

- Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu nguyên đơn đã rút.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Ngày 23-5-2016, Ngân hàng t có đơn khởi kiện yêu cầu bà Tiêu Thị N thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng tín dụng đã được hai bên ký kết. Địa chỉ nơi cư trú hiện nay của bà Tiêu Thị N tổ 9 (tổ 23 cũ), phường Quảng P, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi. Do đó, Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi thụ lý giải quyết vụ án “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng T là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về xét xử vắng mặt của bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

[1.3] Về rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể:

Ngân hàng rút và không yêu cầu Tòa án xử lý đối với tài sản thế chấp bảo đảm cho khoản vay theo Hợp đồng thế chấp số 62/BĐ-KHTN.QNg ngày 21-01-

2015 đã được Văn phòng công chứng số 1, tỉnh Quảng Ngãi công chứng; gồm quyền sử dụng đất của thửa đất số 1018, tờ bản đồ số 16, diện tích 458m² và quyền sử dụng đất của thửa đất số 991, tờ bản đồ số 12, diện tích 74m² đều tọa lạc tại xã Nghĩa T, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi. Hội đồng xét xử xét thấy, việc nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện là hoàn toàn tự nguyện, Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu nguyên đơn đã rút theo quy định tại Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

Xét, khoản nợ theo Hợp đồng tín dụng bán lẻ số: 588/15/KHTN.QNg ngày 21-01-2015, giữa nguyên đơn và bị đơn: Căn cứ vào đề nghị của bị đơn, nguyên đơn đã cho bị đơn vay số tiền gốc 200.000.000 đồng. Thực hiện theo hợp đồng nêu trên, nguyên đơn đã giải ngân cho bị đơn thể hiện tại giấy nhận nợ ngày 23-01-2015, mục đích sử dụng vốn: kinh doanh hàng cải kẹp, mỹ ký, thời hạn vay 12 tháng, ngày nhận nợ: 23-01-2015, ngày đến hạn: 23-01-2016, lãi suất cho vay hiện tại: 7,5%/năm, lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn.

Tại phiên hòa giải ngày 09-6-2017, bị đơn bà Tiêu Thị N công nhận có vay Ngân hàng, tính đến ngày 08-6-2017 còn nợ Ngân hàng tổng số tiền gốc lãi 248.333.334 đồng, trong đó nợ gốc 200.000.000 đồng, nợ lãi 48.333.334 đồng. Bị đơn đồng ý trả nợ gốc, xin Ngân hàng cho bị đơn tiền lãi. Từ đầu năm 2018, bị đơn sẽ trả nợ mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi trả xong nợ nhưng nguyên đơn không đồng ý. Từ ngày 09-6-2017 đến nay mặc dù Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng bà Tiêu Thị N không đến Tòa án làm việc, không có ý kiến với yêu cầu của nguyên đơn.

Hội đồng xét xử, xét thấy: Tại mục 7.1.7 Điều 7 của Hợp đồng tín dụng bán lẻ ngày 21-01-2015 quy định về nghĩa vụ của bên cho vay: *“Được tự động chuyển toàn bộ dư nợ sang nợ quá hạn nếu bên vay không trả nợ đúng hạn hoặc không được cơ cấu lại thời hạn trả nợ”* và tại mục 8.2.4 Điều 8 của Hợp đồng tín dụng bán lẻ ngày 21-01-2015 quy định về nghĩa vụ của bên vay: *“Trả nợ gốc và lãi vay đúng hạn cho bên vay”*. Trong thời gian vay, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền gốc, lãi cho nguyên đơn, nhiều lần nguyên đơn nhắc nhở, đôn đốc nhưng bị đơn vẫn không trả nợ đúng hạn cho nguyên đơn.

Tại phiên tòa, nguyên đơn yêu cầu bị đơn có phải trả nợ tính đến ngày 12-5-2021, tổng số tiền là 349.908.333 đồng, trong đó nợ gốc 200.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn 103.844.444 đồng, nợ lãi quá hạn: 46.063.889 đồng. Kể từ ngày 13-5-2021, yêu cầu bị đơn còn phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh trên dư nợ gốc cho đến khi trả xong các khoản nợ cho Ngân hàng theo mức lãi suất nợ quá hạn được các bên thoả thuận tại hợp đồng tín dụng, là có căn cứ, phù hợp với những nội dung các bên đã cam kết trong hợp đồng tín dụng, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn đã cung cấp và phù hợp với quy định tại các Điều 463, 466 của Bộ luật dân sự; Điều 91 và Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Tấn T, bà Nguyễn Thị H, Đỗ Thị L, Phạm Văn L, Phạm Thị M, Phạm Tấn V, Nguyễn Thị D chỉ liên quan đến các thửa đất 1018 và 991 là tài sản thế chấp đảm bảo cho khoản vay của bà Tiêu Thị N, tuy nhiên Ngân hàng đã có đơn rút và không yêu cầu Tòa án xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số 62/BĐ-KHTN.QNg ngày 21-01-2015 là thửa đất số 1018 và 991 nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí:

Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền mà bị đơn phải trả cho Ngân hàng là: $349.908.333 \text{ đồng} \times 5\% = 17.495.416 \text{ đồng}$.

Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí sơ thẩm cho nguyên đơn.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các điều 144, 147, 227, 228, 244, 266, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 463, 466, 688 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Điều 91 và 95 Luật Các tổ chức tín dụng;

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng t, về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

- Buộc bà Tiêu Thị N phải trả cho Ngân hàng t tổng số tiền tính đến ngày 12-5-2021 là 349.908.333 (*ba trăm bốn mươi chín triệu, chín trăm lẻ tám nghìn, ba trăm ba mươi ba*) đồng; trong đó nợ gốc 200.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn 103.844.444 đồng, nợ lãi quá hạn: 46.063.889 đồng.

- Kể từ ngày 13-5-2021, bà Tiêu Thị N còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng bán lẻ số: 588/15/KHTN.QNg ngày 21-01-2015 đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ.

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu: Xử lý đối với tài sản thế chấp bảo đảm cho khoản vay theo Hợp đồng thế chấp số 62/BĐ-KHTN.QNg ngày 21-01-2015 đã được Văn phòng công chứng số 01, tỉnh Quảng Ngãi công chứng; gồm quyền sử dụng đất của thửa đất số 1018, tờ bản đồ số 16, diện tích 458m² và quyền sử

dụng đất của thửa đất số 991, tờ bản đồ số 12, diện tích 74m² địa chỉ tại xã Nghĩa T, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi.

3. Về án phí:

3.1. Bà Tiêu Thị N phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 17.495.416 (mười bảy triệu, bốn trăm chín mươi lăm nghìn, bốn trăm mười sáu) đồng.

3.2. Ngân hàng t không phải chịu án phí sơ thẩm. Hoàn trả cho Ngân hàng t Nam số tiền tạm ứng án phí 5.519.000 đồng (năm triệu, năm trăm mười chín nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2014/0002573 ngày 03-6-2016 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

4. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND Tp. Quảng Ngãi;
- Chi Cục THADS Tp. Quảng Ngãi;
- Dương sự;
- Lưu: Hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Kim Loan